

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 933/STC-QLG&CS
V/v đề nghị góp ý kiến vào dự thảo
Quyết định của UBND tỉnh Quy định
quản lý nhà nước về giá trên địa bàn
tỉnh Đắk Lắk

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 4 năm 2019

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Buôn Hồ; Thành phố Buôn Ma Thuột;
- UBND TTQ Việt Nam tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ: Luật Giá ngày 20/6/2012; Luật Phí và Lệ phí ngày 25/11/2015; Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

Thực hiện Thông báo số 29/TB-UBND ngày 05/4/2019 của UBND tỉnh về việc phân công cơ quan soạn thảo Dự thảo Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh, theo đó UBND tỉnh phân công Sở Tài chính chủ trì; cơ quan phối hợp: các Sở: Công thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, UBND các huyện, thị xã, thành phố soạn thảo Dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Để hoàn thiện dự thảo Quyết định trước khi đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Quyết định theo quy định. Sở Tài chính đề nghị quý Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố các cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến góp ý với dự thảo.

Ý kiến góp ý bằng văn bản gửi về Sở Tài chính Đắk Lắk trước ngày 24/5/2019 (dự thảo được đăng tại **mục Thông báo** của Trang thông tin điện tử Sở Tài chính theo đường dẫn: <http://sotaichinh.daklak.gov.vn>).

Đề nghị Ban biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk đăng tải dự thảo này trên Cổng thông tin điện tử của mình để các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị góp ý kiến theo quy định.

Nếu sau ngày 24/5/2019 các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị không gửi ý kiến tham gia góp ý vào dự thảo Quyết định của UBND tỉnh nêu trên thì coi như là đồng ý với toàn văn dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của quý cơ quan, đơn vị ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay b/cáo);
- BGĐ Sở TC;
- Phòng TH - Tê (Để phối hợp, đăng tin);
- Lưu VT, QLG&CS (Tp 60 bản).



Bùi Văn Yên



Văn phòng Ủy ban nhân dân
Tỉnh Đắk Lắk
08.04.2019 08:16:04 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *29* /TB-UBND

Đắk Lắk, ngày 05 tháng 4 năm 2019

THÔNG BÁO

Về việc phân công cơ quan soạn thảo dự thảo Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh

Xử lý Công văn số 181/STP-XD&KTVB ngày 29/3/2019 của Sở Tư pháp về việc ý kiến đối với đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Sở Tài chính; Tờ trình số 50/TTr-STC ngày 20/3/2019 của Sở Tài chính về việc xây dựng Quyết định thay thế Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (phô tô kèm theo);

UBND tỉnh thông báo phân công cơ quan soạn thảo dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, như sau:

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo: Sở Tài chính.
2. Cơ quan phối hợp soạn thảo: Các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Y tế; UBND các huyện, thị xã, thành phố.
3. Thời gian trình: Quý II năm 2019.
4. Kinh phí: Thực hiện theo quy định hiện hành.
5. Sở Tài chính đảm bảo các thủ tục, trình tự xây dựng văn bản quy phạm pháp luật nêu trên theo đúng quy định hiện hành. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện đảm bảo thời gian, chất lượng và thủ tục quy định.

UBND tỉnh thông báo đến Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan biết và triển khai thực hiện. / *zab*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành: TC, Công Thương, GTVT, NN&PTNT, TN&MT, Y tế;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (TVT-30b).



CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

Số: /2019/QĐ-UBND
DỰ THẢO LẦN 2

Đắk Lắk, ngày tháng 04 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 31/2014/TT-BTC ngày 07 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 142/2015/TT-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về cơ sở dữ liệu Quốc gia về giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày ... tháng... năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019. Thay thế Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TT tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp; Sở Thông tin và Truyền thông;
- Website tỉnh, Công báo tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PT&TH tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng CM thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (... b)

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định thực hiện quản lý nhà nước về giá trong các lĩnh vực: bình ổn giá; đăng ký giá; định giá; kê khai giá; niêm yết giá; thẩm định giá của nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị trong thực hiện quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh.

Những nội dung về quản lý giá không quy định tại Quy định này áp dụng theo quy định của Luật giá và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức cá nhân khác liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ**

Điều 3. Bình ổn giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá theo quy định tại Điều 15 của Luật Giá bao gồm:

- a) Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm: Xăng động cơ, dầu hỏa, dầu diesel, dầu mazut;
- b) Điện bán lẻ;
- c) Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);
- d) Phân đạm urê; phân NPK;
- đ) Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ;
- e) Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
- g) Muối ăn;
- h) Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;
- i) Đường ăn, bao gồm: Đường trắng và đường tinh luyện;
- k) Thóc, gạo tẻ thường;
- l) Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

2. Trường hợp thực hiện bình ổn giá

Áp dụng các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk khi giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá có biến động bất thường xảy ra trong các trường hợp sau:

- Giá mua hoặc giá bán trên thị trường của hàng hóa dịch vụ tăng quá cao hoặc giảm quá thấp bất hợp lý so với mức tăng hoặc giảm giá do tác động của các yếu tố hình thành giá được tính theo các chế độ chính sách, định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc phương pháp tính giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

- Giá mua hoặc giá bán trên thị trường của hàng hóa dịch vụ trong các trường hợp xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, dịch họa, khủng hoảng kinh tế - tài chính, mất cân đối cung - cầu tạm thời;

- Khi mặt bằng giá biến động làm ảnh hưởng đến ổn định kinh tế xã hội, gây tác động xấu đến sản xuất và đời sống nhân dân.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm quyết định áp dụng và thực hiện biện pháp bình ổn giá

a) Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Trong trường hợp xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ, căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các biện pháp áp dụng bình ổn giá như sau:

- Điều hòa cung cầu một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu trên địa bàn;
- Các biện pháp tài chính, tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật;
- Đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện bình ổn giá theo quy định;
- Kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hóa tồn kho; kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có trên địa bàn;
- Áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế;
- Định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cần thiết để phục vụ sản xuất, tiêu dùng.

c) Giao Giám đốc Sở Tài chính:

- Kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định và hướng dẫn của Bộ Tài chính; kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo thẩm quyền thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì và phối hợp với các ngành chức năng kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh; hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

d) Giám đốc các sở, ngành, cơ quan có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định

và hướng dẫn của Bộ Tài chính; Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên địa bàn tỉnh theo các nhiệm vụ được phân công.

đ) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bình ổn giá đã được Chính phủ quyết định và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 4. Đăng ký giá

Trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá bắt đầu từ ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đăng ký giá có hiệu lực và trước khi định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ bằng việc lập Biểu mẫu đăng ký giá gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1. Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá theo quy định tại Khoản 3 Điều này của các tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk mà không có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá ở Trung ương, không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của các bộ, ngành theo thẩm quyền.

2. Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định) không phải đăng ký giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, Thị xã Buôn Hồ, Thành phố Buôn Ma Thuột sau khi nhận thông báo hoặc quyết định điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của việc cung cấp thông tin.

3. Cơ quan tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá:

a) Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1 (trừ Điểm h và Điểm l) Điều 3 Quy định này.

b) Sở Công Thương tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 3 Quy định này.

c) Sở Y tế tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm l Khoản 1 Điều 3 Quy định này.

d) Trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thì Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận, rà soát kiểm tra việc đăng ký giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có trụ sở chính trên địa bàn, nộp thuế tại Chi Cục thuế các huyện, thị xã, thành phố đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này.

đ) Định kỳ vào ngày 01 tháng 07 hằng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký giá chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế và các cơ quan chuyên môn của tỉnh rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá tại địa phương gửi Sở Tài chính tổng hợp, chủ trì tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá trên địa bàn địa phương.

e) Tổ chức, cá nhân khi thực hiện đăng ký giá tại các sở, ngành có liên quan theo phân cấp (Sở Công Thương, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố) gửi 01 bản đăng ký giá về Sở Tài chính để biết và tổng hợp vào Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh.

g) Biểu mẫu đăng ký giá thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính.

4. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện đăng ký giá mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công Thương; cơ quan tiếp nhận và đối tượng đăng ký giá mặt hàng thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

Điều 5. kê khai giá

1. Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá; hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá của Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP; hàng hóa dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của các tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực hiện kê khai giá ở trung ương hoặc văn bản hướng dẫn riêng về kê khai giá của bộ quản lý ngành theo thẩm quyền.

2. Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý (bao gồm cả cửa hàng) không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do nhà cung cấp quyết định) không phải kê khai giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại địa phương nơi chi nhánh, đại lý đặt trụ sở chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá, bao gồm:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 3 Quyết định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá;

b) Xi măng, thép xây dựng;

c) Than;

d) Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

đ) Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước;

e) Sách giáo khoa;

- g) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;
- h) Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi;
- i) Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế;
- k) Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG);
- l) Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung thêm danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá ngoài danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều này.

4. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá:

a) Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 1 (trừ Điểm h và Điểm 1) Điều 3 Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá; hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, c, d, đ, e, k khoản 3 Điều này;

b) Sở Công Thương tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 3 Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá; hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm i khoản 3 Điều này;

c) Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm h khoản 3 Điều này;

d) Sở Y tế tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân quy định tại điểm l Khoản 1 Điều 3 Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá; hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm g khoản 3 Điều này;

đ) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân có trụ sở chính trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố, nộp thuế tại Chi Cục thuế các huyện, thị xã, thành phố đối với các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá; hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k, khoản 3 Điều này.

e) Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hằng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế và các cơ quan chuyên môn của tỉnh rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá tại địa phương để gửi Sở Tài chính tổng hợp, chủ trì tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân kê khai giá trên địa bàn địa phương.

g) Các đơn vị tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính kết quả thực hiện kê khai giá theo phân công.

h) Mẫu văn bản kê khai giá: Tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn

thi hành một số điều của Luật giá được sửa đổi, bổ sung và ban hành kèm theo Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 6. Niêm yết giá

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thực hiện niêm yết giá theo nguyên tắc:

a) Đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh phải niêm yết đúng giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định và mua, bán đúng giá niêm yết.

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì niêm yết theo giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và không được mua, bán cao hơn giá niêm yết.

2. Địa điểm niêm yết giá và cách thức niêm yết giá : Thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 7. Định giá

Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh:

- 1) Giá các loại đất;
- 2) Giá cho thuê đất, thuê mặt nước;
- 3) Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;
- 4) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;
- 5) Giá nước sạch sinh hoạt;
- 6) Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;
- 7) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;
- 8) Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý; dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- 9) Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

10) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chỉ từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa;

11) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 8. Quy trình lập, thẩm định phương án giá

1. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh xây dựng phương án giá, lập tờ trình theo quy định gửi Sở quản lý ngành để kiểm tra, xem xét thẩm định về định mức, kinh tế kỹ thuật trước khi gửi Sở Tài chính thẩm định theo quy định.

2. Trường hợp Sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất, kinh doanh trình phương án giá để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thì phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính; trường hợp thẩm định bảng giá đất, phương án giá đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 9. Phân công trách nhiệm của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực trong việc lập, trình, thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá

1) Sở Tài chính

- Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân sản xuất kinh doanh trong việc xây dựng phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá hoặc thẩm định phương án giá theo đề nghị của Sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất kinh doanh để Sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất kinh doanh trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật về giá và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Chủ trì phối hợp với sở chuyên ngành và các ngành có liên quan định giá bán đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, các tài sản khác gắn liền với đất bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội; Nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp thuộc đối tượng sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá khởi điểm để thực hiện bán đấu giá;

- Chủ trì phối hợp với Sở chuyên ngành thẩm định phương án giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và phê duyệt.

2) Sở Xây dựng

- Thông báo giá vật liệu xây dựng đến chân công trình trên địa bàn tỉnh;

- Giá nhà xây dựng mới;

- Đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị; giá dịch vụ nghĩa trang; đơn giá xây dựng cơ bản; giá nhân công trong xây dựng; bảng giá ca máy và thiết bị thi công;

- Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

- Giá nhà, công trình gắn liền với đất để tính bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật;

- Giá tối đa đối với: Dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà theo quy định của pháp luật.

3) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Xây dựng giá các loại đất trên địa bàn theo quy định của Luật Đất đai;

- Giá cho thuê đất, thuê mặt nước;

- Đơn giá sản phẩm: Đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Giá cụ thể đối với: Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.

4) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Xây dựng giá cây trồng, vật nuôi, hoa màu trên đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng giá các loại rừng, bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;

- Giá cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý;

- Giá cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5) Sở Giao thông Vận tải

- Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh;

- Giá cước vận tải hàng hóa bằng ô tô trên địa bàn tỉnh; mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa.

6) Sở Công thương

- Giá cụ thể đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;

7. Những hàng hóa, dịch vụ chưa quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, thẩm định phương án giá tại Điều này thì thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài

chính, các bộ quản lý ngành hoặc theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 10. Thẩm định giá của nhà nước

1. Tài sản thẩm định giá

Các trường hợp mua, bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước có mức giá từ 100 triệu đồng/lần trở lên, sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá, phải có ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Cơ quan thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước tại địa phương

a) Sở Tài chính thực hiện thẩm định giá các tài sản của nhà nước quy định tại Khoản 1 Điều này, được mua bán từ nguồn ngân sách hoặc có nguồn gốc từ ngân sách cấp tỉnh; thẩm định giá các tài sản có mức giá từ 500 triệu đồng/lần trở lên được mua bán từ nguồn ngân sách cấp huyện;

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố thực hiện thẩm định giá các tài sản của nhà nước quy định tại Khoản 1 Điều này, có mức giá từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/lần được mua bán từ nguồn ngân sách cấp huyện;

3. Trường hợp cần thiết thì thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định tại Điều 28 của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ, phân công và tổ chức thực hiện như sau:

a) Hội đồng thẩm định giá cấp tỉnh:

- Giám đốc Sở Tài chính (hoặc người được ủy quyền) làm Chủ tịch hội đồng,
- Trưởng phòng Quản lý Giá và Công sản - Sở Tài chính làm thành viên thường trực Hội đồng,
- Các thành viên khác gồm:
 - + Một chuyên viên về giá Sở Tài chính;
 - + Đại diện đơn vị có tài sản cần thẩm định giá;
 - + Đại diện các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh do Chủ tịch hội đồng quyết định, trên cơ sở căn cứ vào tính chất, đặc điểm của tài sản cần thẩm định giá.

Thực hiện thẩm định giá các tài sản của nhà nước quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

b) Hội đồng thẩm định giá cấp huyện:

- Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch (hoặc người được ủy quyền) làm Chủ tịch hội đồng,
- Các thành viên khác gồm :
 - + Một chuyên viên về giá phòng Tài chính - Kế hoạch;
 - + Đại diện đơn vị có tài sản cần thẩm định giá;
 - + Đại diện các cơ quan chuyên môn thuộc huyện do Chủ tịch hội đồng quyết định, trên cơ sở căn cứ vào tính chất, đặc điểm của tài sản cần thẩm định giá.

Thực hiện thẩm định giá các tài sản của nhà nước quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

c) Hội đồng thẩm định giá phải có ít nhất một thành viên đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính hoặc đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học chuyên ngành vật giá, thẩm định giá.

4. Thời gian cơ quan thẩm định giá thẩm định và ra thông báo thẩm định giá tối đa là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan đơn vị (hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ). Trường hợp đối với những tài sản có đặc điểm kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành đặc biệt, không có bán rộng rãi trên thị trường thì thời gian thẩm định giá được kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Quá thời hạn nêu trên nếu không có văn bản thông báo kết quả thẩm định giá, thì cơ quan, đơn vị tổ chức mua, bán tài sản, hàng hoá được phép sử dụng kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá để tổ chức mua, bán theo quy định của pháp luật. Cơ quan nhà nước được phân công nhiệm vụ thẩm định giá chịu trách nhiệm trước pháp luật về mức giá do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo kết quả thẩm định giá đã gửi cơ quan mình đề nghị thẩm định mà không có văn bản trả lời.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị trong thực hiện quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Giám đốc Sở Tài chính

- Tổ chức triển khai thực hiện giá các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Trung ương và địa phương;

- Tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh những chính sách, biện pháp quản lý giá trên địa bàn tỉnh;

- Thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

- Tổ chức, thu thập, phân tích và xử lý thông tin giá cả thị trường tại địa phương theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính và các cơ quan tư pháp;

- Kiểm soát chi phí sản xuất, lưu thông, giá hàng hóa dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khi phát hiện có dấu hiệu liên kết độc quyền về giá;

- Kiểm soát các yếu tố hình thành giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá;

- Tiếp nhận và kiểm soát các yếu tố hình thành giá trong việc đăng ký giá, kê khai giá hàng hóa dịch vụ theo quy định của Bộ Tài chính;

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành những quy định của pháp luật về giá đối với các tổ chức, cá nhân; xử lý hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật về giá;

- Quyết định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh khi được uỷ quyền;

b) Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các quyết định giá của cấp có thẩm quyền;

- Thực hiện chức năng quyền hạn, trách nhiệm của từng sở, ngành thuộc lĩnh vực quản lý;

- Tham gia Hội đồng thẩm định, xây dựng các phương án giá theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tham gia các cuộc thanh tra, kiểm tra giá theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành liên quan.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các quyết định giá của cấp có thẩm quyền trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố. Chỉ đạo thực hiện việc niêm yết giá, kê khai giá, đăng ký giá;

- Tổ chức thu thập thông tin, báo cáo giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Sở Tài chính;

- Khảo sát, điều tra và xây dựng phương án giá các loại đất trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố theo hướng dẫn của sở Tài nguyên và Môi trường;

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về giá theo quy định của pháp luật. Tiến hành điều tra chi phí sản xuất, chi phí lưu thông, giá mua, bán các sản phẩm hàng hóa thuộc diện bình ổn giá.

2. Giám đốc doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh

a) Quyền hạn

- Quyết định giá mua, giá bán hàng hóa và dịch vụ (trừ những hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của nhà nước);

- Quyết định giá hàng hóa dịch vụ trong khung giá, giới hạn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định;

- Khiếu nại quyết định về giá của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của mình;

- Yêu cầu tổ chức, cá nhân bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

b) Nghĩa vụ

- Lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục nhà nước quy định trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định;

- Thực hiện nghiêm túc việc niêm yết giá, đăng ký giá, cung cấp thông tin về giá, các quyết định giá;

- Chấp hành các biện pháp bình ổn giá theo quy định của Nhà nước;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác, phẩm cấp, tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa, dịch vụ được sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Chấp hành đầy đủ theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra giá, cung cấp kịp thời giá thành sản xuất, giá mua, bán hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương

1. Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh được khen thưởng theo chế độ hiện hành.

Việc xử lý các vi phạm trong lĩnh vực giá: Thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá và những quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra việc thực hiện các quyết định giá thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý giải quyết./.